| | |
|---|---|
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**<br>**TỈNH BẠC LIÊU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 24 /2024/NQ-HĐND | *Bạc Liêu, ngày 10 tháng 12 năm 2024* |

# NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**
**KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 21**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;*

*Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;*

*Căn cứ Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;*

*Căn cứ Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Xét Tờ trình số 231/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh "về việc thông qua nghị quyết ban hành Quy định thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu"; báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo nghị quyết này Quy định thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

**1.** Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện nghị quyết theo quy định pháp luật.

**2.** Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu khóa X, kỳ họp thứ 21 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2024, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2024. Thay thế Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh *"ban hành Quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bạc Liêu"./.*

***Nơi nhận:***
- UBTVQH (báo cáo);
- Chính phủ (báo cáo);
- Các Bộ: TC, KH và ĐT (báo cáo);
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu (NH).

**CHỦ TỊCH**

**Lữ Văn Hùng**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# QUY ĐỊNH
**Thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu**

*(Kèm theo Nghị quyết số 44 /2024/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

## Chương I
## QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

**1.** Quy định này quy định thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu gồm: Mua sắm, thuê, khai thác, xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn Nhà nước; thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập sở hữu toàn dân và thẩm quyền khai thác, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi do Nhà nước đầu tư, quản lý thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bạc Liêu.

**2.** Ngoài các quy định cụ thể tại nghị quyết này, việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam được thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và quy định riêng của Chính phủ.

**3.** Những nội dung khác liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài sản công chưa quy định tại nghị quyết này thì thực hiện theo các quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; các nghị định của Chính phủ, các thông tư hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính và pháp luật có liên quan về quản lý, sử dụng tài sản công.

**4.** Quy định này không điều chỉnh đối với việc quản lý, sử dụng tài sản công được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn Nhà nước.

### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công, cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân, tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi *(sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị)*.

**Điều 3. Tài sản công gồm**

**1.** Nhà làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

**2.** Quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

**3.** Xe ô tô và phương tiện vận tải khác; máy móc, thiết bị.

**4.** Tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

**5.** Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo quy định của Chính phủ.

**6.** Tài sản khác theo quy định của pháp luật.

## Chương II

## THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH MUA SẮM, THUÊ, XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ; PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ TÀI SẢN PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC

**Điều 4. Mua sắm tài sản công**

**1.** Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp phải lập thành dự án đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật khác có liên quan.

Việc mua sắm tài sản quy định tại Điều này không bao gồm mua sắm dịch vụ phục vụ hoạt động của cơ quan Nhà nước. Việc mua sắm dịch vụ phục vụ hoạt động của cơ quan Nhà nước được thực hiện theo quy định của pháp luật khác có liên quan.

**2.** Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp không thuộc khoản 1 Điều này *(trừ thẩm quyền của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên quyết định mua sắm tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô))* quy định như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô các loại; tài sản có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên trên một đơn vị tài sản cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã thuộc phạm vi quản lý.

b) Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định mua sắm tài sản *(trừ tài sản quy định tại điểm a khoản này)* có giá trị dưới 500 triệu đồng trên một đơn vị tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị mình và tài sản có giá trị trên 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng trên một đơn vị tài sản cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố *(Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện)* quyết định mua sắm tài sản *(trừ tài sản quy định tại điểm a*

*khoản này)* có giá trị trên 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng trên một đơn vị tài sản cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc cấp huyện và cấp xã thuộc phạm vi quản lý.

d) Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn *(Ủy ban nhân dân cấp xã)* trong phạm vi quản lý quyết định mua sắm tài sản *(trừ tài sản quy định tại điểm a khoản này)* có giá trị không quá 200 triệu đồng trên một đơn vị tài sản cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị mình và cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

**Điều 5. Mua sắm tài sản công là vật tiêu hao phục vụ hoạt động**

Thẩm quyền quyết định mua sắm vật tiêu hao *(trừ thẩm quyền của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên quyết định mua sắm vật tiêu hao phục vụ hoạt động của đơn vị)* quy định như sau:

**1.** Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm vật tiêu hao có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên cho một lần *(một gói)* mua sắm cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã thuộc phạm vi quản lý.

**2.** Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định mua sắm vật tiêu hao có giá trị dưới 500 triệu đồng cho một lần *(một gói)* mua sắm cho cơ quan, tổ chức, đơn vị mình và vật tiêu hao có giá trị trên 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng cho một lần *(một gói)* mua sắm cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

**3.** Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm vật tiêu hao có giá trị trên 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng cho một lần *(một gói)* mua sắm cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc cấp huyện và cấp xã thuộc phạm vi quản lý.

**4.** Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định mua sắm vật tiêu hao có giá trị không quá 200 triệu đồng cho một lần *(một gói)* mua sắm cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị mình và cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

**Điều 6. Thuê tài sản phục vụ hoạt động**

**1.** Việc thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan Nhà nước quy định tại Điều này không bao gồm thuê dịch vụ công nghệ thông tin và các dịch vụ khác phục vụ hoạt động của cơ quan Nhà nước. Việc thuê dịch vụ công nghệ thông tin và các dịch vụ khác phục vụ hoạt động của cơ quan Nhà nước được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước và pháp luật khác có liên quan.

**2.** Thẩm quyền quyết định thuê tài sản công *(trừ thẩm quyền của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư;*

*đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị)* để đảm bảo hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động bao gồm: Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; tài sản có giá trị tính cho cả thời gian thuê từ 500 triệu đồng trở lên cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã thuộc phạm vi quản lý.

b) Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định thuê tài sản có giá trị tính cho cả thời gian thuê dưới 500 triệu đồng cho cơ quan, tổ chức, đơn vị mình và tài sản có giá trị tính cho cả thời gian thuê trên 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý *(trừ khoản 1 Điều này)*.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thuê tài sản có giá trị tính cho cả thời gian thuê trên 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện và cấp xã thuộc phạm vi quản lý.

d) Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động có giá trị tính cho cả thời gian thuê không quá 200 triệu đồng cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị mình và cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

**Điều 7. Khai thác tài sản công**

**1.** Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công là tài sản phục vụ hoạt động phụ trợ, hỗ trợ cho việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan Nhà nước; tài sản là di tích lịch sử - văn hóa, di tích lịch sử gắn với đất thuộc đất xây dựng trụ sở cơ quan, phòng truyền thống của cơ quan theo quy định tại điểm d, điểm đ khoản 1 Điều 10b, được bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, quy định như sau:

a) Thủ trưởng các cơ quan Nhà nước cấp tỉnh quyết định khai thác tài sản công đối với tài sản phục vụ hoạt động phụ trợ, hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan Nhà nước: Nhà ăn, căn tin; nhà/bãi để xe; vị trí lắp đặt máy rút tiền tự động, máy bán hàng tự động; vị trí lắp đặt, xây dựng công trình viễn thông; lắp đặt màn hình led, tấm pano phục vụ thông tin, tuyên truyền kết hợp với quảng cáo theo quy định của pháp luật; tài sản là di tích lịch sử - văn hóa, di tích lịch sử gắn với đất thuộc đất xây dựng trụ sở cơ quan; phòng truyền thống của cơ quan mình và cho các cơ quan thuộc phạm vi quản lý.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định khai thác tài sản công đối với tài sản phục vụ hoạt động phụ trợ, hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan Nhà nước: Nhà ăn, căn tin; nhà/bãi để xe; vị trí lắp đặt máy rút tiền tự

động, máy bán hàng tự động; vị trí lắp đặt, xây dựng công trình viễn thông; lắp đặt màn hình led, tấm pano phục vụ thông tin, tuyên truyền kết hợp với quảng cáo theo quy định của pháp luật; khai thác tài sản là di tích lịch sử - văn hóa, di tích lịch sử gắn với đất thuộc đất xây dựng trụ sở cơ quan; phòng truyền thống của cơ quan thuộc cấp huyện và cấp xã thuộc phạm vi quản lý.

**2.** Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công *(trừ thẩm quyền quyết định của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên)* là tài sản phục vụ hoạt động phụ trợ, hỗ trợ cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị sự nghiệp công lập; tài sản là di tích lịch sử - văn hóa, di tích lịch sử gắn với đất thuộc đất xây dựng công trình sự nghiệp; phòng truyền thống của đơn vị theo quy định tại điểm d, điểm đ khoản 1 Điều 41c, được bổ sung tại khoản 37 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP quy định như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định:

Khai thác tài sản công phục vụ hoạt động phụ trợ, hỗ trợ cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị sự nghiệp công lập cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý.

Khai thác tài sản là di tích lịch sử - văn hóa, di tích lịch sử gắn với đất thuộc đất xây dựng công trình sự nghiệp; phòng truyền thống của đơn vị cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quản lý.

b) Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định khai thác tài sản công phục vụ hoạt động phụ trợ, hỗ trợ cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị sự nghiệp công lập *(trừ quy định tại điểm a khoản này)* cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định khai thác tài sản công phục vụ hoạt động phụ trợ, hỗ trợ cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị sự nghiệp công lập; tài sản là di tích lịch sử - văn hóa, di tích lịch sử gắn với đất thuộc đất xây dựng công trình sự nghiệp; phòng truyền thống của đơn vị cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý.

**Điều 8. Thu hồi tài sản công**

Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được quy định như sau:

**1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi đối với các loại tài sản:**

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô các loại; tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên trên một đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã thuộc phạm vi quản lý.

b) Tài sản quy định tại khoản 2 Điều này phải thu hồi, nhưng Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện không thu hồi.

**2.** Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi đối với các loại tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng trên một đơn vị tài sản *(trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này)* của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

**Điều 9. Điều chuyển tài sản công**

Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công được thực hiện theo quy định như sau *(trừ điều chuyển tài sản công do huyện ủy, thị ủy, thành ủy là đơn vị dự toán thuộc ngân sách Nhà nước cấp huyện quản lý sang cơ quan, đơn vị của Đảng là đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc Văn phòng Tỉnh ủy, thẩm quyền do Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định điều chuyển theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 25 Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam)*:

**1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công:**

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô các loại; tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên trên một đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã thuộc phạm vi quản lý.

b) Tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng trên một đơn vị tài sản giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; từ cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh xuống các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện, cấp xã và ngược lại; giữa các huyện, thị xã, thành phố.

**2.** Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản *(trừ quy định tại khoản 1 Điều này)* có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng trên một đơn vị tài sản cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

**3.** Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản *(trừ quy định tại khoản 1 Điều này)* có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng trên một đơn vị tài sản cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện, cấp xã thuộc phạm vi quản lý.

**Điều 10. Bán tài sản công**

**1.** Thẩm quyền quyết định bán tài sản công trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 43 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công *(trừ thẩm quyền của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định bán đối với tài sản được hình thành từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô))* được quy định như sau:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản công là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô các loại và tài sản cố định có nguyên giá theo sổ

kế toán từ 500 triệu đồng trở lên trên một đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã thuộc phạm vi quản lý.

b) Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản cố định *(trừ tài sản quy định tại điểm a khoản này)* có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng trên một đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

**2.** Thẩm quyền quyết định giá khởi điểm của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp đối với trường hợp không thực hiện thanh lý tài sản gắn liền với đất theo phương án đấu giá trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại điểm a5 khoản 2 Điều 24, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 114/2014/NĐ-CP quy định như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá khởi điểm của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giá khởi điểm của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện, cấp xã thuộc phạm vi quản lý.

**Điều 11. Thanh lý tài sản công**

Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của địa phương *(trừ thẩm quyền của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định thanh lý đối với tài sản cố định có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng trên một đơn vị tài sản)* quy định như sau:

**1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý đối với các loại tài sản:**

a) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất *(không bao gồm giá trị quyền sử dụng đất)* không phù hợp với quy hoạch phải phá dỡ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh.

b) Tài sản là xe ô tô các loại và tài sản cố định có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên trên một đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã thuộc phạm vi quản lý.

**2.** Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định thanh lý đối với các loại tài sản cố định có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng trên một đơn vị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình và tài sản cố định có nguyên giá theo sổ sách kế toán trên 200 triệu đồng trên một đơn vị tài sản đến dưới 500 triệu đồng trên một đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

**3.** Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý tài sản là nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất *(không bao gồm giá*

*trị quyền sử dụng đất)* không phù hợp với quy hoạch phải phá dỡ *(trừ quy định tại khoản 1 Điều này)* và các loại tài sản cố định có nguyên giá theo sổ sách kế toán trên 200 triệu đồng trên một đơn vị tài sản đến dưới 500 triệu đồng trên một đơn vị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc cấp huyện và cấp xã thuộc phạm vi quản lý.

**4.** Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức đơn vị trực thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức đơn vị cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý đối với các loại tài sản cố định có nguyên giá theo sổ sách kế toán không quá 200 triệu đồng trên một đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị mình và của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

**Điều 12. Tiêu hủy tài sản công**

Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công thuộc phạm vi quản lý được quy định như sau:

**1.** Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy đối với các loại tài sản công bao gồm: Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô các loại; tài sản cố định có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên trên một đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã thuộc phạm vi quản lý.

**2.** Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định tiêu hủy đối với các loại tài sản cố định *(trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này)* có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng trên một đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị mình và của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

**3.** Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiêu hủy đối với các loại tài sản cố định *(trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này)* có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng trên một đơn vị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc cấp huyện và cấp xã thuộc phạm vi quản lý.

**Điều 13. Xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại**

Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại thuộc phạm vi quản lý được quy định như sau:

**1.** Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại bao gồm: Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô các loại; tài sản cố định có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên trên một đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã thuộc phạm vi quản lý.

**2.** Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với các loại tài sản cố định khác *(trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này)* có nguyên giá theo sổ sách kế toán

dưới 500 triệu đồng trên một đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị mình và của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

**3.** Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với các loại tài sản cố định khác *(trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này)* có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng trên một đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc cấp huyện và cấp xã thuộc phạm vi quản lý.

**Điều 14. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản công phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn Nhà nước**

Cơ quan, người có thẩm quyết định điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại quy định tại Chương này thì có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản công phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn Nhà nước. Riêng thẩm quyền phê duyệt phương án giao tài sản công thực hiện theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 4a được bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP.

## Chương III

## THẨM QUYỀN XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TOÀN DÂN VỀ TÀI SẢN VÀ PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ TÀI SẢN ĐƯỢC XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TOÀN DÂN

**Điều 15. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân**

**1.** Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là nhà, đất, xe ô tô và các tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên trên một đơn vị tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền các cấp thuộc cơ quan địa phương quyết định tịch thu.

b) Giám đốc Sở Tài chính quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với các tài sản còn lại *(trừ tài sản quy định tại điểm a khoản này)* do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp tỉnh quyết định tịch thu.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản còn lại *(trừ tài sản quy định tại điểm a khoản này)* thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp huyện quyết định tịch thu.

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tịch thu.

**2.** Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu *(trừ tài sản thuộc thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân)*, như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án xử lý tài sản là nhà, đất, xe ô tô và tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên trên một đơn vị tài sản do cơ quan thi hành án các cấp chuyển giao.

b) Giám đốc Sở Tài chính quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với các tài sản còn lại *(trừ tài sản quy định tại điểm a khoản này)* do cơ quan Thi hành án cấp tỉnh và cấp Quân khu chuyển giao.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản còn lại *(trừ tài sản quy định tại điểm a khoản này)* do cơ quan Thi hành án cấp huyện chuyển giao.

**3.** Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là bất động sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu, tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy, di sản không có người nhận thừa kế *(trừ tài sản thuộc thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định tại điểm a, điểm b và điểm d khoản 3 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP)*, như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án xử lý đối với các loại tài sản là nhà, đất, xe ô tô và tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên trên một đơn vị tài sản.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản bị đánh rơi, bỏ quên, di sản không người thừa kế có giá trị dưới 500 triệu đồng trên một đơn vị tài sản *(trừ tài sản quy định tại điểm a khoản này)* thuộc phạm vi cấp huyện quản lý.

c) Giám đốc Sở Tài chính quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với các tài sản còn lại *(trừ tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản này)* có giá trị dưới 500 triệu đồng trên một đơn vị tài sản.

**4.** Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án xử lý đối với các tài sản sau:

a) Tài sản do tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương *(trừ các tài sản quy định chuyên dùng cho an ninh, quốc phòng do Bộ Công an và Bộ Quốc phòng phê duyệt)*.

b) Tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động.

c) Tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giải thể hoặc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giải thể theo ủy quyền.

d) Tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án đối tác công tư đối với trường hợp cơ quan ký hợp đồng dự án thuộc địa phương quản lý.

## Chương IV

## THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN CHO THUÊ QUYỀN KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG THỦY LỢI; THẨM QUYỀN XỬ LÝ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG THỦY LỢI

### Điều 16. Thẩm quyền phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

**1.** Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi do cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quản lý.

**2.** Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi do cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc cấp huyện và cấp xã thuộc phạm vi quản lý.

### Điều 17. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã thuộc phạm vi quản lý.

### Điều 18. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã thuộc phạm vi quản lý *(trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi từ cơ quan được giao quản lý tài sản sang doanh nghiệp quản lý, khai thác).*

### Điều 19. Thẩm quyền quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

**1.** Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi gắn liền với đất của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã thuộc phạm vi quản lý.

**2.** Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi không gắn với đất của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

**Điều 20. Thẩm quyền quyết định thanh lý**

**1.** Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quản lý.

**2.** Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện, cấp xã thuộc phạm vi quản lý.

**3.** Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được thanh lý theo hình thức phá dỡ, hủy bỏ thì vật tư, vật liệu thu hồi được xử lý như sau:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao cho đơn vị cấp tỉnh tiếp tục sử dụng vật tư, vật liệu thu hồi theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 29 Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giao cho đơn vị cấp huyện, cấp xã tiếp tục sử dụng vật tư, vật liệu thu hồi theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 29 Nghị định số 129/2017/NĐ-CP.

**4.** Thẩm quyền quyết định điều chuyển, bán vật tư, vật liệu thu hồi từ thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi quy định tại điểm b, điểm c khoản 3 Điều 29 Nghị định số 129/2017/NĐ-CP thực hiện theo quy định tại Điều 9, Điều 10 quy định này.

**Điều 21. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại**

**1.** Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quản lý.

**2.** Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện, cấp xã thuộc phạm vi quản lý./.